

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đvt	Giá bán
1	AZARGA 5ml	Brinzolamide/Timolol	10mg/5mg	Lọ	326,340.
2	Acecyst	N-acetylcystein	200mg	Viên	293.
3	Acepron 325	Paracetamol	325 mg	Gói	1,173.
4	Acular	Ketorolac tromethamine	0.005	Lọ	71,951.
5	Adacast	Mometason furoat	50mcg	Lọ	124,950.
6	Agi - neurin	Thiamin mononitrat; Pyridoxin hydroclorid, cyanocobalamin	125mg + 125mg + 125mcg	Viên	356.
7	Agi-Tyfedol 500	Paracetamol	500mg	Viên	90.
8	Agi-vitac	Vitamin C	500mg	Viên	190.
9	Agicetam 800	Piracetam	800mg	Viên	448.
10	Agimesi 7,5	Meloxicam	7.5mg	Viên	598.
11	Agimol 150	Paracetamol (acetaminophen)	150mg	Gói	339.
12	Auzion 1000	amoxicilin + acid clavulanic	875mg + 125mg	Viên	11,235.
13	Azarga	Brinzolamide/Timolol	10mg/5mg	Lọ	326,340.
14	Azopt	Brinzolamide	1%	Lọ	122,534.
15	Azopt 5ml 1%	Brinzolamide	1%	Chai	122,534.
16	Benita	Mỗi liều xịt 0,05ml chứa: Budesonide	64mcg /0,05ml; Lọ 120 liều	Lọ	96,300.
17	Bilaxten	Bilastine	10mg	Viên	6,573.
18	Bilaxten Tab 20mg 10's	Bilastine	20mg	Viên	9,951.
19	Bluemoxi	Moxifloxacin	400mg	Viên	51,681.
20	CRAVIT 1.5% 15mg/ml 5ml	Levofloxacin Hydrate	5ml	Lọ	121,799.
21	Cefuroxime 500mg	Levofloxacin hydrate	5ml	Viên	7,797.
22	Cosopt			Lọ	220,500.
23	Cravit 1.5%	Levofloxacin Hydrate	5ml	Lọ	121,799.
24	Cravit 25mg/5ml	Levofloxacin Hydrate	5ml	Lọ	94,711.

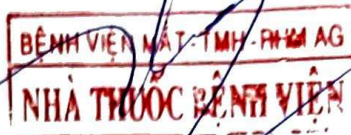
STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đvt	Giá bán
25	Cồn Boric 3%	Cồn boric	3%/10ml	Chai	6,741.
26	DRIMY	Vit A+Vit D3+Vit B1+Vit B2+Vit B6 + Sắt+Magiê+Canxi	1000IU+400IU+2mg+3mg+1mg+1.65mg+6mg+21.42mg	Viên	3,619.
27	Daleston - D	Betamethason + Dexamethason maleat	(3,75mg+ 30mg) /75ml	Chai	33,705.
28	Diquas	Natri diquafosol	150mg / 5ml	Lọ	136,159.
29	Duotrav	Travoprost + timolol (dưới dạng Timolol maleate)	0,04mg/ml + 5mg/ml; 2,5ml	Lọ	335,999.
30	Effixent	Cefixim (dưới dạng Cefixime trihydrat)	200mg	Viên	24,824.
31	Efodyl	Cefuroxim	250mg	Gói	9,630.
32	Flumetholon 0,1	Fluorometholon	1mg/ml	Lọ	34,424.
33	Flusort	Mỗi liều xịt chứa: Fluticasone propionate	50mcg	binh	135,344.
34	Gaviscon	Natri alginate + Natri bicarbonate + Calci carbonate	(500mg + 267mg + 160mg)/ 10ml	Gói	6,564.
35	Gaviscon Dual Action	Alginate natri + Natri bicarbonat + Canxi carbonat	(500mg + 213mg +325mg) / 10ml	Gói	7,942.
36	Imefed 250mg/31.25mg	amoxicilin + acid clavulanic	250mg + 31.25mg	Gói	8,025.
37	Imefed 500mg/125mg	Amoxicilin + Acid clavulanic	500mg + 125mg	Gói	10,304.
38	Imefed DT 250mg/31.25mg	amoxicilin + acid clavulanic	250mg + 31.25mg	Viên	8,774.
39	Imefed DT 500mg/125mg	Amoxicilin + Acid clavulanic	500mg + 125mg	Viên	9,844.
40	Imefed DT 875mg /125mg	Amoxicilin + Acid clavulanic	875mg + 125mg	Viên	12,840.
41	Letdion	Levofloxacin	5mg/ml * 5ml	Lọ	89,880.
42	Medaxetine 500 mg	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	500mg	Viên	18,618.
43	Medoral	Chlorhexidin digluconat	250ml	Chai	96,300.
44	Medrol 16mg	Methylprednisolone	16mg	Viên	4,039.
45	Medrol 4mg	Methylprednisolone	4mg	Viên	1,130.
46	Medskin clovir 800	Acyclovir	800mg	Viên	3,520.
47	Medskin clovir 800	Acyclovir	800mg	Viên	3,520.
48	Meseca	Mỗi liều 0,05ml chứa: Fluticason propionat	50µg (mcg) /0,05ml	Lọ	102,720.

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đvt	Giá bán
49	Meseca	Mỗi liều 0,05ml chứa: Fluticason propionat	50µg (mcg) /0,05ml	Lọ	102,720.
50	Methylprednisolon 4mg	Methylprednisolone	4mg	Viên	977.
51	Motilium - M	Domperidone maleate, 10mg Domperidone	10mg	Viên	2,242.
52	OPTIVE 15ML	Natri Carboxymethylcellulose + Glycerin	15ml	Hộp	88,648.
53	Oflovid	Ofloxacin	15mg/5ml	Lọ	59,783.
54	Oflovid ophthalmic ointment	Ofloxacin	0,3%;	Tuýp	79,746.
55	PM NextG Cal	Hydroxyapatite + Vit D3 + Vit K1 5%	500mg + 800mcg + 160mcg	Viên	5,618.
56	Partamol Eff.	Paracetamol	500mg	Viên	2,320.
57	Pataday	Olopatadine hydrochloride	0.002	Chai	137,654.
58	Polydexa			Lọ	70,620.
59	Restasis 0.05%	Cyclosporine ophthalmic emulsion	0.05%	Ống	19,159.
60	SRK SALTMAX	Natri clorid	0,45g/50ml x 100m	Lọ	35,310.
61	Sanlein 0.1	Natri hyaluronat tinh khiết	5mg/5ml	Lọ	66,509.
62	Stugeron	Cinnarizin	25mg	Viên	853.
63	Systane Ultra	Polyethylene Glycol 400 + Propylen glycol	0.4% + 0.3%	Lọ	64,307.
64	TAFLOTAN	Tafluprost	0,015mg/ml	Lọ	257,038.
65	Taptiqom-MD	Tafluprost + Timolol (dưới dạng Timolol maleat)	0,015mg/ml + 5mg/ml	Lọ	275,518.
66	Telfor 60	Fexofenadine HCL	60mg	Viên	718.
67	Tobradex	Tobramycin + Dexamethason	(3mg + 1mg) / 1ml	Lọ	50,610.
68	Tobrex	Tobramycin Sulfate	0.3%	Lọ	42,799.
69	Travatan	Travoprost	2.5ml	Chai	264,914.
70	Travatan	Travoprost	2.5ml	Lọ	264,914.
71	Vicetin	Vinpocetin	10mg	Viên	4,389.
72	Vigamox	Moxifloxacin-Hydroclorid	25mg	Lọ	96,299.
73	Vigamox 0.5%	Moxifloxacin-Hydroclorid	25mg	Chai	96,299.
74	VitPP	Nicotinamid	500mg	Viên	229.

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đvt	Giá bán
75	Zinc 10	Kẽm gluconat	10mg Kẽm (dưới dạng kẽm Gluconat: 70mg)	Viên	147.

An Giang, ngày 08 tháng 01 năm 2026

PHỤ TRÁCH NHÀ THUỐC



Đào Châu Khanh